

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Lực mua trong phiên chiều giúp chỉ số tăng vượt vùng 1,800 và đóng cửa tại 1,821.32 điểm, tăng 29.91 điểm (+1.67%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản tăng mạnh nhất, theo sau là nhóm Công nghệ Thông tin và Hóa chất. Ở chiều ngược lại, ngành Ô tô và Phụ tùng giảm mạnh nhất trong phiên. Về giao dịch khối ngoại hôm nay, khối này bán ròng trên HSX và mua ròng trên HNX, UPCoM. Cây nến bullish engulfing cùng thanh khoản tiếp tục duy trì trên mức trung bình 20 phiên phần nào củng cố xu hướng hồi phục của thị trường. Tuy nhiên, đà tăng của chỉ số hôm nay đang phụ thuộc nhiều vào nhóm cổ phiếu VIC; do vậy, dòng tiền cần tăng cường và lan tỏa rộng hơn để VN-Index xác nhận quay lại xu hướng tăng điểm ngắn hạn, hướng về vùng 1,860 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 26/08/2026, phần lớn các chứng quyền tăng.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+29.91** điểm, đóng cửa tại **1821.32** điểm. HNX-Index **-0.69** điểm, đóng cửa tại **281.96** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+16.31)**, **TCB (+3.45)**, **VCB (+1.62)**, **TCX (+0.88)**, **HDB (+0.82)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-0.51)**, **LPS (-0.27)**, **MSB (-0.16)**, **LPB (-0.13)**, **SBT (-0.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,414** tỷ đồng, giảm **-5.99%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,931 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 33.52 điểm. Thị trường có **182** mã tăng, 68 mã tham chiếu, **125** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-35.59** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (-78.11 tỷ)**, **ACB (-77.91 tỷ)**, **VHM (-61.29 tỷ)**, **VCB (-59.09 tỷ)**, **STB (-52.66 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **45.93** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.07%**. Các mã diễn biến tích cực:
TCB (+6.87%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+3.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDB (+2.78%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.57%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+4.31%) [\(Link báo cáo\)](#)
GVR (+2.77%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCH (+2.65%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.07%	0.57%	1.67%	1.75%
1 tuần	4.60%	3.13%	5.48%	5.03%
1 tháng	7.77%	9.43%	6.84%	6.54%
3 tháng	-1.94%	-5.52%	0.13%	-0.23%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,821.32	281.96	126.89
% 1D	1.67%	-0.24%	0.09%
GTKL (tỷ VND)	16,414	783	230
%1D	-5.99%	-6.17%	-36.00%
GDNN (tỷ VND)	-35.59	45.93	10.85

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	202.96	CTG	-78.11
TCB	136.04	ACB	-77.91
PNJ	99.97	VHM	-61.29
VIC	78.58	VCB	-59.09
VPI	50.49	STB	-52.66

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

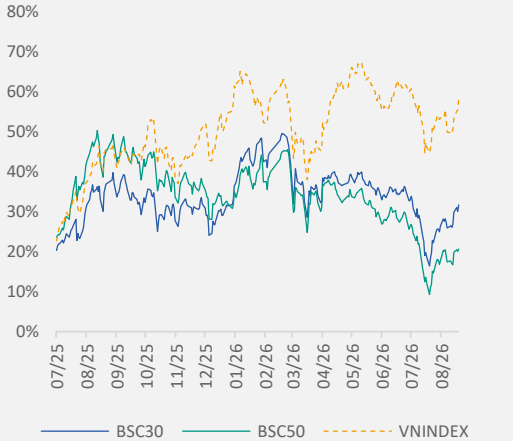
		%D	%W
SPX	7,677	0.32%	-0.19%
FTSE100	8,474	0.41%	-0.33%
Eurostoxx	26,249	-0.14%	0.45%
Shanghai	3,913	0.59%	0.46%
Nikkei	66,262	0.62%	1.43%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	86.54	-2.30%
Giá vàng	4,630	-0.59%
Tỷ giá		
USD/VND	26,097	-0.07%
EUR/VND	30,468	-0.08%
JPY/VND	164	0.07%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.4%	0.00%
LS LNH 1M	0.0%	0.00%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin nhanh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

TIN NHANH

CẬP NHẬT PHIÊN BẢN FAQ V1.3 CỦA FTSE RUSSELL VỀ VIỆT NAM

Ngày 25/08/2026, FTSE Russell đã công bố phiên bản FAQ v1.3 cập nhật một số thông tin quan trọng về quá trình nâng hạng của TTCK Việt Nam, theo đó một số nội dung đáng chú ý như sau:

1. Cập nhật tỷ trọng của Việt Nam trong 04 bộ chỉ số

Theo thông báo từ FTSE Russell, tỷ trọng của Việt Nam trong 04 bộ chỉ số FTSE đề cập gồm: (1) FTSE Global All Cap: 0.0490%; (2) FTSE Emerging All-cap: 0.4880%; (3) FTSE All-world: 0.0311% và (4) FTSE Emerging: 0.3089%

Như vậy, trong báo cáo tuần công bố vào ngày 23/08/2026, trong kịch bản tích cực BSC Research đã dự báo gần như chính xác các tỷ lệ của 04 bộ chỉ số này so với phiên bản FAQ v1.3 của FTSE với mức độ sai số dưới 0.01% (chi tiết trong hình ảnh đính kèm).

CẬP NHẬT TỶ TRỌNG CỔ PHIẾU VIỆT NAM THEO FAQ V1.3 CỦA FTSE CÔNG BỐ VÀ SO VỚI DỰ BÁO CỦA BSC RESEARCH

STT	Tên quỹ	Benchmark Index (FTSE)	Phân khúc	AUM (tr. USD)	Kịch bản cơ sở		Kịch bản tích cực		Tỷ trọng FTSE công bố v1.3 (08/2026)	Lệch so với kịch bản tích cực của BSC Research
					Tỷ trọng VN ước tính (%)	Tổng giá trị dự kiến (tr. USD)	Tỷ trọng VN ước tính (%)	Tổng giá trị dự kiến (tr. USD)		
1	Vanguard Total World Stock ETF	FTSE Global All Cap Index	All cap	81,656	0.0368%	30.01	0.0499%	40.71	0.0490%	-0.001%
2	Vanguard Total World Stock Index Fund	FTSE Global All Cap Index	All cap	19,256	0.0368%	7.08	0.0499%	9.60	0.0490%	-0.001%
3	Vanguard Total International Stock Index fund ETF	FTSE Global All Cap ex US Index	All cap	164,922	0.0966%	159.31	0.1310%	216.02		
4	Vanguard Total International Stock Index fund	FTSE Global All Cap ex US Index	All cap	488,166	0.0966%	471.54	0.1310%	639.42		
5	Vanguard FTSE All-World ex-US ETF	FTSE All-World ex-US Index	Large + Midcap	70,727	0.0484%	34.26	0.0838%	59.25		
6	Vanguard FTSE All-World ex-US Index Fund	FTSE All-World ex-US Index	Large + Midcap	27,435	0.0484%	13.29	0.0838%	22.98		
7	Vanguard FTSE All-World UCITS ETF	FTSE All-World Index	Large + Midcap	84,580	0.0186%	15.71	0.0321%	27.18	0.0311%	-0.001%
8	Invesco FTSE All-World UCITS ETF	FTSE All-World Index	Large + Midcap	5,039	0.0186%	0.94	0.0321%	1.62	0.0311%	-0.001%
9	Xtrackers FTSE All-World UCITS ETF	FTSE All-World Index	Large + Midcap	127	0.0186%	0.02	0.0321%	0.04	0.0311%	-0.001%
10	iShares FTSE All World UCITS ETF	FTSE All-World Index	Large + Midcap	30	0.0186%	0.01	0.0321%	0.01	0.0311%	-0.001%
11	Vanguard FTSE Emerging Markets ETF	FTSE Emerging Markets All Cap China A Inclusion Index	All cap	126,323	0.3648%	460.87	0.4943%	624.35	0.4880%	-0.006%
12	Vanguard FTSE Emerging Markets Stock Index Fund	FTSE Emerging Markets All Cap China A Inclusion Index	All cap	40,317	0.3648%	147.09	0.4943%	199.27	0.4880%	-0.006%
13	Vanguard FTSE Emerging Markets UCITS ETF	FTSE Emerging Index	Large + Midcap	6,037	0.1842%	11.12	0.3182%	19.21	0.3089%	-0.009%
14	Schwab Emerging Markets Equity ETF	FTSE Emerging Index	Large + Midcap	12,948	0.1842%	23.85	0.3182%	41.21	0.3089%	-0.009%
15	Franklin FTSE Emerging Markets UCITS ETF	FTSE Emerging Index	Large + Midcap	14	0.1842%	0.03	0.3182%	0.04		
16	Vanguard FTSE All-World ex-US Small-cap ETF	FTSE Global Small Cap ex-US Index	Small cap	12,049	0.6409%	77.22	0.6647%	80.09		
17	Vanguard ESG Global All cap UCITS ETF	FTSE Global All cap Choice Index	All cap	1,901	0.0464%	0.88	0.0629%	1.20		
18	Vanguard ESG International Stock ETF	FTSE Global All cap ex US Choice Index	All cap	6,828	0.1299%	8.87	0.1761%	12.02		
19	Vanguard ESG Emerging Market All Cap UCITS ETF	FTSE Emerging Markets All Cap Choice Index	All cap	142	0.4432%	0.63	0.6002%	0.85		
20	Vanguard FTSE All-World High Dividend Yield UCITS ETF	FTSE All-World High Dividend Yield Index	Large + Midcap	14,663	0.0093%	1.36	0.0161%	2.36		
21	JPMorgan Diversified Return Emerging Markets Equity ETF	FTSE Emerging Diversified Index	Large + Midcap	398	0.0922%	0.37	0.1594%	0.63		
22	Invesco FTSE Emerging Markets High Dividend Low Volatility UCITS ETF	FTSE Emerging High Dividend Low Volatility Index	Large + Midcap	290	0.0922%	0.27	0.1594%	0.46		
23	Invesco RAFI Emerging Markets Fundamental Value UCITS ETF	FTSE RAFI Emerging Market Index	Large + Midcap	90	0.0922%	0.08	0.1594%	0.14		
24	HSBC Emerging Market Screened Equity UCITS ETF	FTSE Emerging ESG Low Carbon Select Net Tax Index	Large + Midcap	281	0.0922%	0.26	0.1594%	0.45		
25	Franklin FTSE Emerging Markets UCITS ETF	FTSE Emerging Index-NR	Large + Midcap	14	0.1842%	0.03	0.3182%	0.04		
26	Franklin FTSE Emerging ex China UCITS ETF	FTSE Emerging ex China Net Tax Index	Large + Midcap	7	0.2556%	0.02	0.4413%	0.03		
27	Cathay Ftse Emerging Markets Etf	FTSE Emerging Market China A Inclusion Indices	All cap	213	0.3648%	0.78	0.4943%	1.05		
28	L&G Emerging Markets Quality Dividends Equal Weight UCITS ETF	FTSE All Emerging ex IT ex CWV ex REITTS Dividends Growth with Quality Net Tax Index	Large + Midcap	65	0.0922%	0.06	0.1594%	0.10		
Tổng				1,164,516		1,465.95		2,000.34		

*Dữ liệu tính đến hết ngày 21/08/2026, dự báo có thể sai số ở một số chỉ tiêu: free-float, trọng số đầu tư... so với cách tính toán mà FTSE sử dụng.

Nguồn: Bloomberg, FTSE BSC Research ước tính

Trên cơ sở tài liệu FAQ v1.3 FTSE công bố, BSC Research dự báo dòng vốn đầu tư của các quỹ thụ động sẽ ở kịch bản tích cực với quy mô khoảng 2 tỷ USD. Chi tiết danh sách cổ phiếu dự kiến mua trong kịch bản tích cực như sau:

BSC RESEARCH DỰ KIẾN QUY MÔ DÒNG VỐN ĐỐI VỚI 27 CỔ PHIẾU FTSE CÔNG BỐ (KỊCH BẢN TÍCH CỰC)

STT	Mã CK	Sàn	Phân khúc	Tổng giá trị dự kiến (tr.USD)	Đợt 1 (+10%)		Đợt 2 (+20%)		Đợt 3 (+35%)		Đợt 4 (+35%)		Ghi chú (so với FTSE v1.2)
					Giá trị (tr.USD)	Số ngày	Giá trị (tr.USD)	Số ngày	Giá trị (tr.USD)	Số ngày	Giá trị (tr.USD)	Số ngày	
1	VCB	HOSE	Large	74.41	7.44	0.69	14.88	1.38	26.04	2.41	26.04	2.41	
2	VIC	HOSE	Large	653.94	65.39	1.68	130.79	3.36	228.88	5.88	228.88	5.88	
3	VHM	HOSE	Large	242.06	24.21	0.93	48.41	1.86	84.72	3.26	84.72	3.26	
4	BID	HOSE	Mid	23.59	2.36	0.39	4.72	0.77	8.26	1.35	8.26	1.35	
5	HPG	HOSE	Mid	122.98	12.30	0.63	24.60	1.25	43.04	2.19	43.04	2.19	
6	VPB	HOSE	Mid	83.80	8.38	0.62	16.76	1.24	29.33	2.18	29.33	2.18	Thêm mới
7	FPT	HOSE	Small	78.60	7.86	0.48	15.72	0.97	27.51	1.69	27.51	1.69	
8	GEX	HOSE	Small	22.32	2.23	0.18	4.46	0.37	7.81	0.65	7.81	0.65	
9	HDB	HOSE	Small	47.94	4.79	0.47	9.59	0.94	16.78	1.65	16.78	1.65	Thêm mới
10	HCM	HOSE	Small	22.61	2.26	0.49	4.52	0.99	7.91	1.73	7.91	1.73	Thêm mới
11	MCH	HOSE	Small	47.40	4.74	2.19	9.48	4.39	16.59	7.68	16.59	7.68	Thêm mới
12	MSN	HOSE	Small	79.48	7.95	0.71	15.90	1.42	27.82	2.49	27.82	2.49	
13	NVL	HOSE	Small	20.42	2.04	0.24	4.08	0.48	7.15	0.83	7.15	0.83	
14	SHB	HOSE	Small	24.79	2.48	0.10	4.96	0.21	8.68	0.37	8.68	0.37	
15	STB	HOSE	Small	54.90	5.49	0.56	10.98	1.13	19.22	1.98	19.22	1.98	
16	SSB	HOSE	Small	20.45	2.05	1.62	4.09	3.24	7.16	5.66	7.16	5.66	Thêm mới
17	SSI	HOSE	Small	56.65	5.67	0.30	11.33	0.59	19.83	1.04	19.83	1.04	
18	TCX	HOSE	Small	22.17	2.22	0.90	4.43	1.79	7.76	3.14	7.76	3.14	Thêm mới
19	VNM	HOSE	Small	69.31	6.93	0.58	13.86	1.16	24.26	2.03	24.26	2.03	
20	VCI	HOSE	Small	24.82	2.48	0.33	4.96	0.65	8.69	1.14	8.69	1.14	
21	VJC	HOSE	Small	37.33	3.73	0.60	7.47	1.19	13.07	2.08	13.07	2.08	
22	MSB	HOSE	Small	19.34	1.93	0.51	3.87	1.03	6.77	1.80	6.77	1.80	Thêm mới
23	VRE	HOSE	Small	29.88	2.99	0.53	5.98	1.07	10.46	1.87	10.46	1.87	
24	VPL	HOSE	Small	26.88	2.69	1.61	5.38	3.23	9.41	5.65	9.41	5.65	Thêm mới
25	VIX	HOSE	Small	45.14	4.51	0.19	9.03	0.39	15.80	0.68	15.80	0.68	
26	VND	HOSE	Small	25.07	2.51	0.35	5.01	0.71	8.78	1.24	8.78	1.24	
27	VCK	HOSE	Small	24.05	2.40	0.87	4.81	1.73	8.42	3.04	8.42	3.04	Thêm mới
Tổng				2,000.34	200.03		400.07		700.12		700.12		

*Dữ liệu tính đến hết ngày 21/08/2026, dự báo có thể sai số ở một số chỉ tiêu: free-float, trọng số đầu tư... so với cách tính toán mà FTSE sử dụng.

Nguồn: Bloomberg, BSC Research ước tính

2. Một số lưu ý khác

Bên cạnh hoạt động cơ cấu của các ETF/Index funds tham chiếu các chỉ số nêu trên, kỳ review Quý 3/2026 sẽ chứng kiến hoạt động cơ cấu của các ETF khác, bao gồm: (1) ETF Fubon – tham chiếu FTSE Vietnam 30 Index, (2) ETF Xtrackers – tham chiếu chỉ số Stoxx vietnam total market liquid index, và (3) ETF Vaneck – tham chiếu chỉ số Market vectors vietnam local index.

Kỳ review tháng 09/2026 sẽ ghi nhận sự biến động mạnh của các cổ phiếu liên quan, BSC Research sẽ cập nhật các anh/chị các thông tin mới nhất liên quan đến hoạt động cơ cấu ETF này trong thời gian tới.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	230.00	4.31%	16.31	10.14
TCB	33.45	6.87%	3.45	55.88
VCB	60.30	1.52%	1.62	7.27
TCX	41.75	3.60%	0.88	3.64
HDB	27.75	2.78%	0.82	23.13

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	39.50	3.95%	0.48	5.73
NVB	12.10	0.83%	0.18	0.37
CEO	13.60	2.26%	0.11	8.42
OCH	7.10	9.23%	0.08	0.08
MBS	17.80	0.56%	0.06	2.674

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
TNT	9.50	6.98%	0.18
BCM	44.45	6.98%	1.03
HAS	9.85	6.95%	0.01
SVD	4.49	6.90%	0.01
TPC	9.62	6.89%	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
HMR	9.90	10.00%	0.06
CTT	14.50	9.85%	0.00
TTL	8.20	9.33%	0.00
TKU	11.80	9.26%	0.00
DAE	14.20	9.23%	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	75.20	-1.70%	-0.51	0.74
LPS	27.05	-3.39%	-0.27	0.57
MSB	15.35	-1.60%	-0.16	35.954
LPB	49.60	-0.40%	-0.13	4.11
SBT	22.90	-2.76%	-0.12	1.23

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	135.50	-1.95%	-0.61	0.01
KSF	78.00	-0.38%	-0.16	0.12
PGS	58.00	-7.94%	-0.14	0.00
PTI	19.80	-9.17%	-0.13	0.00
HUT	13.30	-1.48%	-0.13	1.66

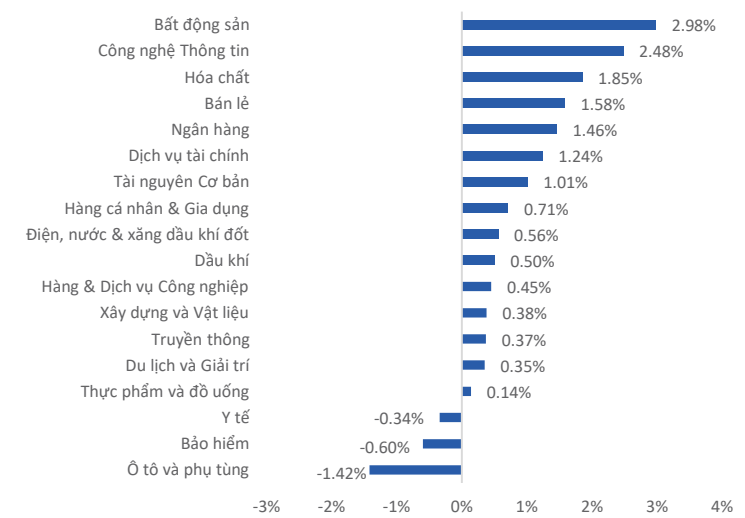
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
COM	25.05	-6.18%	0.00
BTT	40.00	-5.88%	0.00
C32	14.70	-5.77%	0.00
NSC	66.10	-5.57%	0.00
TBC	32.00	-5.33%	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

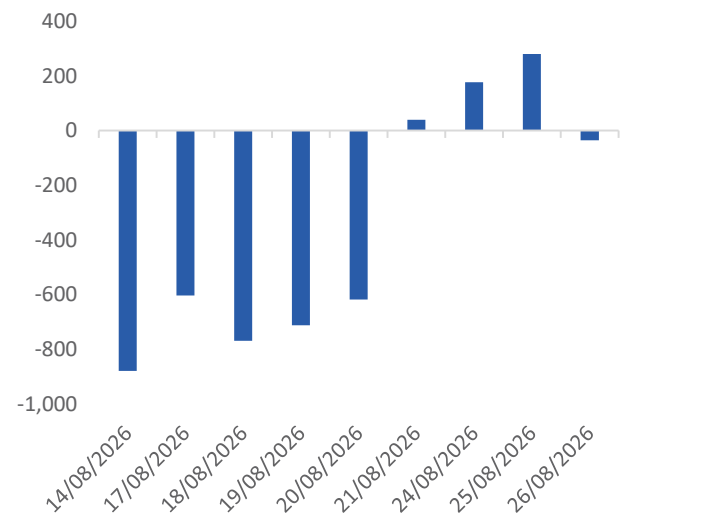
	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
KST	15.30	-10.00%	0.00
S55	59.40	-10.00%	0.00
QST	25.20	-9.68%	0.00
SMT	9.80	-9.26%	0.00
PTI	19.80	-9.17%	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	75.5	2.2%	1.1	109,059	175.8	6,665	11.1	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	27.6	0.4%	0.9	25,898	141.0	1,227	22.4	42.4	7.1%	Link
KDH	Bất động sản	18.4	1.1%	1.0	20,424	99.9	1,565	11.6	39.9	24.3%	Link
PDR	Bất động sản	12.7	-0.4%	1.1	12,672	50.6	619	20.5	28.2	7.2%	Link
VHM	Bất động sản	73.6	0.0%	1.7	604,611	391.1	9,718	7.6	132.6	6.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	72.6	2.7%	0.7	121,203	831.7	5,864	12.1	124.4	27.4%	Link
BSR	Dầu khí	26.9	0.6%	0.0	133,695	204.3	3,933	6.8	-	1.1%	Link
PVS	Dầu khí	39.5	4.0%	0.9	19,434	225.9	4,118	9.2	52.3	15.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.5	1.0%	0.9	35,436	96.5	1,298	20.2		34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	21.7	1.9%	1.0	63,778	600.2	1,752	12.1		30.1%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	22.5	0.5%	0.8	25,810	230.6	1,335	16.8		17.2%	Link
DCM	Hóa chất	31.3	1.3%	0.8	16,332	72.7	4,939	6.3	53.3	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	44.4	-1.2%	1.0	17,071	27.0	5,625	8.0	96.7	3.9%	Link
ACB	Ngân hàng	22.3	0.2%	0.7	128,858	167.2	2,701	8.2	27.1	23.8%	Link
CTG	Ngân hàng	31.9	1.1%	0.9	244,659	387.5	5,172	6.1	53.5	24.7%	Link
HDB	Ngân hàng	27.8	2.8%	1.0	135,142	628.4	3,828	7.1	32.7	21.6%	Link
MBB	Ngân hàng	21.1	1.9%	1.0	207,920	392.0	3,235	6.4	32.4	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	15.4	-1.6%	0.9	48,672	559.0	1,888	8.3	14.0	7.3%	Link
STB	Ngân hàng	74.6	0.5%	0.7	139,883	321.1	1,634	45.4		10.9%	Link
TCB	Ngân hàng	33.5	6.9%	1.1	221,799	1789.4	3,829	8.2	43.5	20.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.5	0.4%	1.0	40,085	106.4	2,732	5.3	-	21.9%	Link
VCB	Ngân hàng	60.3	1.5%	0.8	496,327	436.1	4,984	11.9	-	20.1%	Link
VIB	Ngân hàng	14.7	0.0%	0.7	49,869	186.6	2,180	6.7	23.0	3.3%	Link
VPB	Ngân hàng	26.8	1.3%	1.0	209,456	659.1	3,758	7.0	36.5	22.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	22.1	1.2%	0.8	184,057	426.3	2,750	7.9	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.9	0.5%	0.8	8,759	21.3	813	13.4	14.3	3.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	17.7	0.0%	0.9	7,630	106.5	2,679	6.6	28.8	1.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	70.1	0.9%	0.9	101,496	420.5	4,634	15.0	100.4	24.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.8	0.3%	0.5	130,831	151.7	5,246	11.9	78.0	49.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.3	-0.12%	1.0	9,355	81.9	3,785	11.2	24.4%	23.8%	Link
FRT	Bán lẻ	142.9	-1.45%	0.9	25,928	113.2	6,359	22.8	33.4%	27.5%	Link
BVH	Bảo hiểm	63.0	-0.94%	0.9	47,212	42.7	4,472	14.2	27.3%	13.2%	Link
DIG	Bất động sản	11.6	1.76%	1.0	9,039	72.8	1,051	10.8	2.7%	8.0%	Link
DXG	Bất động sản	12.1	2.12%	0.9	14,964	188.8	157	75.3	18.1%	1.4%	Link
HDC	Bất động sản	12.4	0.00%	1.0	2,837	10.1	2,389	5.2	1.2%	23.0%	Link
HDG	Bất động sản	16.6	-0.30%	0.9	6,755	18.7	1,803	9.2	16.0%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	32.6	0.31%	0.9	13,567	42.0	5,201	6.3	15.4%	32.7%	Link
NLG	Bất động sản	24.5	2.08%	0.9	11,642	140.7	1,407	17.1	38.1%	5.2%	Link
SIP	Bất động sản	49.8	0.61%	0.8	11,985	1.7	5,924	8.4	2.4%	27.9%	Link
SZC	Bất động sản	19.9	0.76%	0.8	3,546	11.8	887	22.2	1.2%	5.0%	Link
TCH	Bất động sản	13.6	2.65%	1.1	12,040	127.6	345	38.2	9.9%	2.6%	Link
VIC	Bất động sản	230.0	4.31%	1.8	1,711,562	2271.6	2,920	75.5	3.2%	14.8%	Link
VRE	Bất động sản	25.6	1.59%	1.5	57,262	109.3	3,191	7.9	11.1%	15.0%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	24.1	0.00%	0.8	5,613	3.0	1,692	14.3	36.4%	12.3%	Link
PLX	Dầu khí	37.4	-0.27%	0.8	47,647	209.2	2,535	14.8	14.2%	12.5%	Link
PVD	Dầu khí	19.6	2.08%	0.6	17,813	117.1	1,198	16.0	8.7%	6.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	22.6	0.22%	1.1	8,576	15.4	1,105	20.4	24.6%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	17.8	0.56%	1.1	17,717	47.5	1,828	9.7	0.3%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	84.1	0.72%	0.8	201,481	135.4	5,269	15.9	2.1%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.3	0.00%	0.9	40,802	114.3	2,098	6.3	4.5%	16.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.0	1.66%	0.5	28,178	14.3	4,239	10.7	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	127.0	1.84%	0.8	95,906	310.9	2,830	44.1	6.0%	8.6%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.2	1.16%	1.2	33,889	168.7	1,048	24.7	6.4%	7.5%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	79.3	0.76%	0.8	34,069	155.4	6,054	13.0	39.3%	19.4%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.8	0.42%	0.6	9,132	26.1	6,647	7.2	8.1%	27.1%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.3	0.25%	0.8	10,442	94.1	2,711	7.5	14.3%	15.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.1	0.93%	0.6	10,821	57.2	2,224	24.1	3.6%	18.5%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	43.1	1.06%	0.9	21,825	253.7	5,673	7.5	44.8%	21.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.7	0.00%	0.8	2,082	45.2	1,872	9.5	48.1%	9.1%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.0	-1.16%	0.8	2,214	6.1	3,465	5.0	21.6%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	22.3	0.68%	0.6	15,026	46.0	2,608	8.5	3.4%	15.6%	Link
GVR	Hóa chất	33.4	2.77%	1.1	130,000	160.6	1,783	18.2	0.6%	12.2%	Link
EIB	Ngân hàng	17.4	0.58%	1.1	32,132	88.5	264	65.3	1.1%	1.9%	Link
LPB	Ngân hàng	49.6	-0.40%	0.6	148,767	203.1	3,780	13.2	1.5%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	11.7	0.00%	0.5	25,150	13.8	2,262	5.2	1.0%	19.5%	Link
OCB	Ngân hàng	11.0	0.00%	0.7	33,534	21.3	1,454	7.5	19.5%	13.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.1	0.45%	0.9	5,416	17.0	338	32.5	4.8%	2.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.5	-0.28%	1.1	4,673	6.3	3,248	5.4	2.6%	23.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.3	-0.92%	0.6	11,893	85.0	259	125.7	3.5%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.2	0.11%	0.6	59,126	29.1	3,723	12.4	58.9%	22.3%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	52.7	0.00%	0.7	11,038	13.0	6,457	8.2	18.2%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	144.2	-0.21%	0.5	11,829	16.9	15,674	9.2	82.3%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	63.1	0.64%	0.8	7,011	9.4	7,046	8.9	46.8%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	76.0	0.66%	0.8	9,672	13.4	5,109	14.8	5.8%	30.2%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	30.0	-0.99%	0.9	3,593	10.2	3,441	8.8	18.6%	14.5%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	10.3	0.49%	0.8	5,860	34.3	1,164	8.8	10.4%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.4	-0.49%	0.6	8,411	22.8	2,861	7.2	8.4%	18.2%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	16.2	0.00%	0.7	11,276	31.0	5,821	2.8	2.0%	35.3%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.2	1.85%	1.0	18,136	24.5	3,174	12.7	0.9%	16.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Click
2	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Click
3	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
4	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
5	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
7	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
8	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
9	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
10	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
11	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
12	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
13	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
14	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
15	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
16	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
17	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
18	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
19	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
20	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
21	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
22	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
23	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
24	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>